

NGHIÊN CỨU QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT VÀ RỪNG CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THIỂU SỐ NGƯỜI MÃ LIỀNG Ở XÃ LÂM HÓA, HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

**PHAN THANH QUYẾT¹; NGUYỄN VĂN SỰ²; NGÔ VĂN HỒNG²;
PHẠM THỊ SÂM²; TRẦN THẾ HÙNG¹; PHAN NỮ Ý ANH¹**

¹Viện Nông nghiệp và Môi trường, Trường Đại học Quảng Bình

²Trung tâm Nghiên cứu quản trị tài nguyên vùng cao (CEGORD)

1. Đặt vấn đề

Bản Kè, bản Cáo và bản Chuối thuộc xã Lâm Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình nằm về phía tây cách trung tâm xã lần lượt là 3km, 4km và 6km, cách thị trấn Đồng Lê 46km theo tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây và đường xuyên Á đi Vũng Áng (Hà Tĩnh); Bản nằm dọc theo sông Gianh và các chi lưu của sông này với các suối lớn là khe Núng, khe Rái và khe Cà Tang. Đây là địa bàn sinh sống của 144 hộ dân tộc thiểu số người Mã Liềng thuộc 3 bản. Sống trên một không gian rộng lớn của lưu vực Khe Núng, khe Rái, khe Cà Tang, khu rừng tự nhiên với các nguồn lâm sản phong phú như: mây, măng, lá nón, mật ong,... trong các giai đoạn lịch sử với nhiều tác động của các cuộc chiến tranh (chống Pháp, chống Mỹ), của công cuộc xây dựng kiến thiết đất nước, không gian sinh tồn của đồng bào Mã Liềng, bao gồm đất đai, rừng núi và sông suối đã có những biến động lớn về số lượng cũng như chất lượng, tác động đến rừng, đất rừng của cộng đồng, đồng thời cũng có những cuộc di chuyển qua nhiều khu rừng, con khe để tránh bom đạn và sinh sống. Chính việc nghiên cứu quá trình chiếm dụng, sử dụng đất và rừng truyền thống của người Mã Liềng để thấy được việc sử dụng nguồn tài nguyên, cũng như quỹ đất của họ như thế nào, từ đó có những hoạch định về chính sách đất đai phù hợp để người Mã Liềng có quỹ đất sản xuất, vì đây là sinh kế chính của họ [1]. Dân số trong các bản tăng, đất sản xuất nông lâm nghiệp không có khả năng mở rộng, đất bãi biến biến động thường hàng năm do mưa lũ

đang gây áp lực lớn lên an ninh lương thực của người dân cả hiện tại và trong tương lai. Tình trạng tách hộ sau hôn nhân trong các bản ngày càng nhiều làm nảy sinh nhu cầu đất ở. Hiện nay, hoặc do thiếu đất để bố trí hoặc chậm bố trí nên nhiều hộ gia đình Mã Liềng trẻ đang phải sống chung với bố mẹ, hoặc làm nhà ngay trong khuôn viên vườn của bố mẹ dẫn đến tình trạng co cụm dân cư ảnh hưởng đến môi trường sống và sức khỏe của cộng đồng dân cư trong các bản [2].

2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.1. Quản lý sử dụng đất và rừng của người Mã Liềng trước chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ (1963)

- Ranh giới quản lý đất và rừng của các bản

Từ năm 1963 trở về trước người Mã Liềng du canh, du cư trên một vùng đất rừng rộng lớn phía tây xã Lâm Hóa. Trên khu vực này, nửa phía nam trên lưu vực các khe Ròng Rẻng, khe Rái là địa bàn du canh du cư của người Mã Liềng bản Kè, khu vực phía bắc trên lưu vực khe Núng và khe Quạt là địa bàn sinh sống của người Mã Liềng các bản Cáo, bản Chuối.

Cư dân bản Kè dịch chuyển trong vùng hẹp và định cư gần sông Gianh, còn cư dân các bản Cáo, Chuối định cư nơi đầu nguồn Khe Núng tại Ràn Ràn rồi dịch chuyển về gần sông Gianh tại bản Cáo, bản Chuối hiện nay qua nhiều giai đoạn tách nhập.

- Tìm kiếm đất đai cho cộng đồng canh tác

Trong quá trình dịch chuyển, việc xác định các vùng đất cho cả bản đều do các già làng

chịu trách nhiệm. Còn để có các mảnh rừng làm nương rẫy các chủ hộ gia đình tự tìm. Con cháu của các già khi lớn lên và lập gia đình đều phải tự tìm các mảnh rừng mà mình ưng ý theo kinh nghiệm có được từ cha mẹ và quá trình sản xuất của chính họ. Thường mỗi gia đình Mã Liềng có đến 5-6 mảnh nương để canh tác. Một mảnh nương khi khai thác lần đầu người Mã Liềng gọi là “Rú Mộng”, khai thác các lần sau khi trở lại gọi là “Đất Lú”. Khi thực hiện Rú Mộng thì vai trò của đàn ông là cơ bản, vì rừng có cây to, người đàn ông có sức khỏe tốt sẽ phụ trách. Còn khi thực hiện Đất Lú thường phụ nữ có vai trò lớn hơn, khi đó rẫy không có cây to và dễ phát, cọt, đốt.

- Cơ chế quản lý truyền thống đất đai, rừng và các dạng tài nguyên

Mặc dù có sự phân bố tương đối về địa vực sinh sống, song người Mã Liềng không có sự tranh chấp về đất đai và khai thác các dạng tài nguyên từ rừng. Người của bản này có thể sang bản kia khai thác nương rẫy, săn bắt, hái lượm mà không bị bất cứ ai ngăn cấm. Tuy nhiên, khi nương rẫy của người Mã Liềng đã hình thành và để quay vòng thì việc người khác đến khai thác hoặc xâm chiếm cũng không xảy ra. Trong giai đoạn này vấn đề quản lý đất đai của nhà nước chưa ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.

- Hoạt động sử dụng đất của người Mã Liềng

Các hộ gia đình người Mã Liềng thường tự lựa chọn những vùng rừng có địa hình rừng tương đối bằng phẳng, dọc theo các khe suối trong vùng định cư mà người già đã xác định trước cho cả bản để phát rẫy.

Ông Hồ Bình, bản Cáo chia sẻ: “Việc tìm rẫy từ xưa đến giờ đều do cá nhân thực hiện. Người chủ gia đình tự đi tìm cánh rừng mình thấy thích để phát. Ngày xưa rừng nhiều, không ai tranh ai cả. Mỗi hộ phát một rẫy đủ lớn theo nhu cầu của mình. Phát xong rồi cọt, cọt rồi đốt và đốt xong là tria lúa, thu hoạch lúa xong thì trồng sắn vào đó. Năm sau lại đi phát rẫy khác và mọi việc lặp lại như cũ. Những người khác thấy rẫy cũ của mình cũng không xâm phạm.

Mỗi nhà có 5-6 rẫy và phát quay vòng và phát lại khi cây rừng ở rẫy cũ đã mọc lại và đủ lớn. Khi phát rẫy lần đầu người Mã Liềng gọi là “Rú Mộng” với cây to, phát lại rẫy lần 2, 3, 4, 5... thì gọi là “Đất Lú” với cây tái sinh”.

Bổ sung thêm thông tin của ông Hồ Bình, bà Phạm Thị Lâm cho hay: “Sau khi thu hoạch lúa, nếu phát hiện khu vực nào lúa kém thì khu vực đó sẽ trồng sắn vào, khu vực nào lúa tốt thì không trồng sắn mà lại để năm sau trồng lúa tiếp”. Cách sử dụng đất thật sự khoa học. Đây là cách tận dụng tài nguyên hợp lý, vừa tận dụng được độ màu của đất cho loài cây không kén đất như sắn, vừa tiết kiệm sức lực cho việc đốt rẫy năm sau khi chừa lại mảnh đất vẫn còn màu mỡ để tria lúa. Chị Lâm cũng chia sẻ thêm: “Với những khu đất màu mỡ chừa lại, năm sau sẽ trồng giống lúa khác chứ không dùng giống cũ”. Với cách bố trí cây sắn và giống lúa khác là giải pháp cắt đứt môi trường sống của các loài sâu bệnh đã hình thành trước đó rất hiệu quả.

- Kiến thức về sử dụng giống lúa

Qua quá trình hoạt động du canh, người Mã Liềng rất có kinh nghiệm thu thập, sử dụng các loại giống lúa và thực hiện gieo trồng rất khoa học. Theo ông Phạm Văn Lợi và bà Phạm Thị Lâm (bản Cáo) trước đây người Mã Liềng lưu giữ và sử dụng một số lượng lớn các giống lúa: 9 giống nếp và 7 giống tẻ. Các giống lúa nếp có nếp Giàng, nếp Côm, nếp Muôn, nếp Rần (còn gọi là Cô le), nếp Bạc (có râu dài), nếp Xuông (nếp thơm), nếp Lim (đen), nếp Bão và nếp Lạ Lùn. Các giống lúa tẻ có: ló Xòa, ló Đò, ló Xăm, ló Trời, ló Quả, ló Cục Vàng, ló Trần Ninh (ló tiếng phổ thông là lúa).

Các giống lúa được bố trí gieo tria theo cấp độ cao của khu rẫy. Ông Phạm Lợi, bản Cáo chia sẻ: “Nếu chia rẫy theo 4 bậc theo độ dốc thì các giống lúa tẻ thường được tria ở 2 bậc trên cao, còn lúa nếp tria ở 2 bậc thấp dưới chân đồi”. Ông lý giải “nếu đem giống tẻ xuống tria ở vùng thấp thì cây không cúi được (*ý là bông lúa sẽ không có hạt để uốn cong*), còn các giống nếp nếu đem tria trên cao cũng sẽ không chịu được hạn mà chết. Gạo của các giống lúa ngày xưa

Sơ đồ: Bố trí lúa theo độ cao nương rẫy



ngon lắm. Lương thực ngày xưa không thiếu. Thức ăn lấy từ rừng cũng nhiều”. Xem sơ đồ lát cắt về bố trí sử dụng các giống lúa.

- *Nhận biết các dạng tài nguyên trên đất rừng và sông suối phục vụ sinh kế*

Không chỉ dừng lại ở việc tìm rẫy, bố trí các giống lúa trên rẫy mà người Mã Liềng cũng rất hiểu biết về các loài động vật trên rừng và dưới sông suối. Anh Phạm Văn Hải, anh Phạm Văn Nam và ông Phạm Văn Lợi liệt kê một danh sách dài về các loài muông thú trong các cánh rừng nơi họ sinh sống trước đây, gồm 34 loài thú, 12 loài chim, 27 loài cá và 9 loài bò sát. Những hiểu biết về các loài giúp họ có các cơ hội săn bắt để có đủ thực phẩm sinh sống trong điều kiện du canh du cư.

Người phụ nữ Mã Liềng cũng rất có hiểu biết về sự phân bố tập trung của một số loài cây và ong mật. Chị Phạm Thị Lệ, bản Chuối chia sẻ: “Từ bờ suối trở lên, cây măng chủ yếu nằm ở các khu ven các con suối và gần khu dân cư, sau khu vực lấy măng ở cao hơn là khu cây mây song phát triển, khu lấy mây song cũng có thể xen kẽ một ít khu cho lấy măng; Sau khu lấy mây là khu lấy lá nón nằm ở khu vực cao hơn gần các đông núi. Còn với mật ong thì có thể tìm thấy ở mọi nơi, ở đâu có cây gỗ thì ở đó ong làm tổ”.

Sống trên một địa vực tương đối rộng lớn, việc săn bắn, đánh bắt cá và khai thác mật ong là việc làm thường ngày của người dân. Cách

thức đánh bắt đơn giản, chỉ đảm bảo đủ ăn và chưa xuất hiện yếu tố thị trường đã không làm tổn thương nhiều đến sự sinh sôi của các loài thú, loài cá và ong. Người Mã Liềng rất có kiến thức săn bắn và chính vì vậy, vật thờ thiêng liêng của họ là cây nỏ - một biểu trưng cho sự nuôi dưỡng cuộc sống của họ. Người Mã Liềng cũng biết xác định sự xuất hiện của các con thú theo mùa quả chín trong rừng. Người dân cho biết là ngày xưa vào thời gian quả cọ chín là lúc các loài thú kéo đến ăn nhiều và họ rất dễ bẫy được. Các loài cá cũng xuất hiện song hành với hiện tượng tự nhiên, như cá nhật lẹm xuất hiện nhiều vào mùa nước lũ. Những kiến thức về các loài cây, loài động vật rừng, các loài cá và ong cũng đã giúp cho người Mã Liềng tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh khó khăn và cách biệt giữa rừng núi nhiều thế hệ.

- *Hoạt động tâm linh gắn với quản lý đất đai, lãnh thổ*

Người Mã Liềng sống gần gũi với thiên nhiên, dựa vào tài nguyên thiên nhiên và tin vào các vị thần. Với tín ngưỡng đa thần, người Mã Liềng thờ các vị thần rừng, thần đất, thần sông, thần suối, thần đá, thần sấm, thần sét,... và tin có sự tồn tại của ma trời, ma nhà, ma tổ tiên luôn hiện hữu trong cuộc sống của họ gắn với rừng và các dạng tài nguyên họ khai thác.

Sau một giai đoạn du canh trên một khu vực nào đó, người Mã Liềng nhận thấy đất đã cạn chất màu, số thú trong rừng và cá dưới các

suối cũng đã giảm sút không đáp ứng được nhu cầu của họ thì các cuộc di cư đến vùng đất mới được thực hiện. Trong cuộc di cư đến vùng đất mới, vai trò của già làng, thầy cúng rất quan trọng. Họ là người có uy tín, có kinh nghiệm lựa chọn đất đai và biết nói tiếng nói với thần linh. Việc dịch chuyển đến nơi mới luôn bắt đầu bằng nghi lễ tạ thần linh. Ông Cao Dụng chia sẻ và liên kết qua câu chuyện của chính gia đình ông: “Nhà tôi chuyển từ khu ở trước đây giờ là nơi ruộng lúa nước của bản lên chỗ ở hiện nay. Khi chuyển lên được mấy ngày thì mẹ tôi đau mạnh. Cả nhà lo lắng và đi vô xóm Hung hỏi thầy cúng. Thầy cúng bảo “bay chạy nhanh đi trong ngày hôm nay? (ý là đi tìm đồ lễ để cúng ngay trong ngày). Chúng tôi thu xếp lễ vật và sang xóm Hung rước thầy về cúng tại nơi ở trước khi dời nhà. Cúng xong ngày hôm sau mẹ tôi bỗng dưng hết đau, đi lại và ăn cơm được. Đây là cúng trả lễ thần linh. Mình ở đó lâu rồi, khi đi phải cúng trả lễ. Tôi tin lắm. Hiệu quả đây. Trước đây khi bố tôi dời sang vực Con Kè và rồi lại từ vực Con Kè trở về lại xóm Cộc cũng đã cúng”. Lễ vật cúng tạ lễ thần không có gà hoặc thịt lợn, xôi, cơm canh có gì cúng nấy.

Ông Dụng và ông Ngụ, bản Kè chia sẻ thêm về các nghi lễ cúng thần linh khi người dân có nhu cầu khai thác gỗ làm nhà: “Thời bấy giờ khi người dân muốn khai thác gỗ rừng làm nhà thì chủ nhà phải tìm đến thầy cúng. Thầy cúng sẽ giúp làm lễ xin thần rừng, thần rú cho phép chặt hạ cây rừng về làm nhà. Lễ vật để xin thần linh có gà, lợn nhỏ hoặc thịt và rượu. Thầy cúng sẽ xác định vị trí để cúng thần. Nghi lễ cúng thần chỉ thực hiện vào buổi sáng bắt đầu từ 10 giờ và không kéo qua buổi trưa. Nghi lễ này cũng đã được thực hiện năm 2002 khi tổ chức ICCO Hà Lan hỗ trợ chương trình ngói hóa. Ngày xưa ở Hòn Hòn cũng thực hiện cúng rừng khi chặt cây làm rẫy, cúng thổ thần để động thổ làm nhà, cúng thổ thần khi về nhà mới với lễ vật có gà, xôi, rượu, thuốc, chè, đôi hương trầm và đèn sáp. Người dân sẽ kiêng chặt cây có nhiều dây leo bám, cây bị sâu gãy”.

Với hoạt động khai thác cá trên sông suối anh Phạm Văn Chiến, một thanh niên bản

Chuối chia sẻ: “Tôi đi đánh cá nhiều, có lần khi xuống sông đánh cá thấy có nhiều cá liên kêu lên ôi cá nhiều quá. Vậy mà khi quăng lưới ra rồi kéo lên chỉ có mấy con cá nhỏ và sau đó không có con nào vào lưới nữa. Tôi đã phạm điều kiêng là đã nói ra điều không nên nói ở trên khúc sông đó khi đánh cá. Các cụ trước đây nói nếu mình kêu như vậy thần linh sẽ không cho mình”. Những điều kiêng kỵ vẫn còn trong cộng đồng cả với hoạt động khai thác mật ong, khi xuống suối đánh cá hay đánh được thú trong rừng.

2.2. Giai đoạn 1964-1976 trong thời gian chiến tranh

Các hoạt động quản lý sử dụng đất vào giai đoạn Mỹ đánh phá của người Mã Liềng có những thay đổi lớn. Trước hết là họ quay về vùng đất đã được khai thác không còn nhiều màu mỡ như trước, các hoạt động đốt rẫy theo cách truyền thống đã không thể thực hiện được. Ông Cao Ngụ chia sẻ: “Trong giai đoạn này do Mỹ đánh phá, cứ có khói lửa là bị ném bom nên người Mã Liềng không đốt rẫy mà chặt cây để khô trên nương sau đó đẩy cây và cành xuống bên dưới và tiến hành chọc tria”. Cách làm này đã thích nghi với cuộc sống thời chiến. Dân số của người Mã Liềng trong thời gian đó cũng không lớn, quy mô các khu định cư thường có từ 3 đến 10 hộ nên áp lực về đất đai không lớn. Tuy nhiên do chiến tranh bom đạn nhiều nên hệ động vật rừng bị giảm sút, nhiều loài thú lớn di cư sang Lào. Nguồn thức ăn lấy từ rừng do đó cũng hạn chế.

Trong giai đoạn 1964-1975 khu vực người Mã Liềng vẫn tiếp tục cuộc mưu sinh gắn với rừng mà chưa có tác động lớn nào của các chính sách liên quan đến quản lý đất đai. Phương thức sống du canh, du cư trong điều kiện chiến tranh vẫn thực hiện theo nếp cũ của giai đoạn trước.

2.3. Giai đoạn 1976-1991: Hòa bình lập lại và bắt đầu có chương trình định canh định cư

Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất, người Mã Liềng từ các khu sơ tán từng bước về lại tại 2 bản lớn là bản Cáo cũ và xóm

Cộc (thuộc một phần bản Kè ngày nay). Các hoạt động sống của người Mã Liềng đã trở lại theo nếp cũ trước năm 1964. Phương thức sản xuất trồng trọt truyền thống “phát - cốt - đốt - tria” được phục hồi. Đất đai có thêm nguồn phân từ đốt cây để phát triển. Tuy nhiên, người Mã Liềng vẫn sống trong điều kiện cát cứ và họ vẫn tự định đoạt các hoạt động quản lý, sử dụng đất theo cách truyền thống của mình.

Vào cuối giai đoạn này, nhà nước địa phương bắt đầu cuộc vận động định canh định cư đồng bào dân tộc thiểu số Quảng Bình, trong đó có tộc người Mã Liềng trên địa bàn huyện Tuyên Hóa. Như vậy, cho đến năm 1990, người Mã Liềng vẫn duy trì các nếp văn hóa truyền thống của mình và tiếp tục gắn bó với không gian sinh tồn cũng như các hoạt động sống trong không gian được xác lập trước từ năm 1963 về trước.

2.4. Giai đoạn 1991-2004: Vận động định canh định cư người Mã Liềng

- Quản lý sử dụng đất và rừng của người Mã Liềng ở bản Chuối

Bản Chuối là bản được lấy làm bản điểm định canh định cư. Năm 1993 các hộ dân từ Mần Ao, Khe Móc, bản Cáo cũ và bản Kè được vận động về định cư tại bản Chuối, đến năm 1996 các hộ dân đến từ bản Kè về lại bản Kè và bản Chuối thực hiện định canh định cư ổn định từ năm 1996. Cũng vào thời điểm năm 1993 Luật Đất đai được ban hành và là cơ sở khu trú lại vùng định canh định cư của người dân tộc, phần còn lại rơi vào sự quản lý của nông lâm trường, các ban quản lý rừng. Người dân bị thu hẹp không gian sinh tồn và những điều kiện về mặt bằng sản xuất truyền thống.

Cùng với việc định canh định cư, các hộ dân bản Chuối hoàn toàn chấm dứt các hoạt động du canh nương rẫy. Nhà nước đầu tư xây dựng ruộng lúa nước với diện tích 1,3ha, làm đập thủy lợi Khe Con và lắp máy bơm lấy nước suối Cà Tang để phục vụ người dân canh tác. Tuy nhiên, với quy mô đất lúa rất hạn chế, đất vườn khoảng 500m² và không có khả năng mở rộng khiến người Mã Liềng bản Chuối vẫn thiếu ăn

thường niên mặc dù dân số thời kỳ đó chỉ khoảng gần một nửa dân số hiện tại và nhà nước vẫn tiếp tục hỗ trợ nhiều năm sau đó. Để có thực phẩm, người dân bản Chuối vẫn tiếp tục vào rừng thuộc không gian sinh tồn trước đây của bản Kè và bản Cáo để săn bắt, hái lượm. Các hoạt động này vẫn được các bản chấp nhận và không bị ngăn cản bởi Ban quản lý rừng phòng hộ, trừ khi vi phạm khai thác gỗ rừng.

Trong giai đoạn 1999-2004 với chương trình giao đất giao rừng trên địa bàn xã Lâm Hóa, các hộ đồng bào dân tộc và các hộ bản Chuối được giao 72ha rừng tự nhiên nghèo kiệt giáp đường Hồ Chí Minh. Tuy nhiên với việc giao đất giao rừng cho hộ gia đình đã dẫn đến những bất cập cho đồng bào khi bị bên ngoài thao túng mua bán và cuối cùng vào giai đoạn 2013-2014 chính quyền địa phương phải thu hồi và giao cho cộng đồng quản lý, chấm dứt những rủi ro về mất đất mất rừng vào tay người ngoài của người Mã Liềng bản Chuối.

- Quản lý sử dụng đất và rừng của người Mã Liềng ở bản Kè

Bắt đầu từ năm 1991, bản Kè hình thành với việc sát nhập xóm Cộc vào bản Kè và các hoạt động du canh du cư cũng chấm dứt từ đó. Nhà nước tổ chức thiết kế và xây dựng một khu ruộng nước 2 vụ với 1,9ha và hệ thống đập dâng nước tưới tự chảy. Cùng với các hoạt động đầu tư của nhà nước, Trung tâm TEW với chương trình tài trợ của ICCO Hà Lan đã phối hợp cùng chính quyền địa phương và hội đồng già làng mới được hình thành tổ chức ngói hóa bản Kè, xây dựng nhà văn hóa cộng đồng và hệ thống cấp nước sinh hoạt. Cuộc sống của người dân có những thay đổi từ việc đầu tư các cơ sở hạ tầng trong giai đoạn này.

Cùng trong giai đoạn này, cộng đồng bản Kè được hỗ trợ giao đất giao rừng với 465,02ha và tổ chức khai hoang 2ha ruộng màu tại khu xóm Cộc ngày xưa. Như vậy, về mặt bằng đất thuộc quyền quản lý của bản Kè có 1,9ha đất lúa, 2ha màu và 465,02ha rừng (trong đó có rừng nghèo kiệt và đất phát triển rừng). Các hộ gia đình cũng được xác lập địa điểm làm nhà và vườn với

diện tích khoảng 500m².

Từ năm 1991, bản Kè đã có chức danh trưởng bản của ông Cao Dụng. Đây là thời kỳ phối hợp giữa 2 thể chế quản lý truyền thống và nhà nước. Đất đai được thảo luận và lấy ý kiến của cộng đồng và chia cho các hộ canh tác, song quản lý vẫn thuộc quyền của cộng đồng nên đã hạn chế được phần nào hiện tượng người ngoài vào thao túng mua bán đất đai. Diện tích đất lúa được chia làm 17 mảnh có quy mô tương đồng nhau và chia cho 17 hộ sản xuất, đất màu chia cho 26 hộ.

Tuy có những thay đổi, song trong giai đoạn 1991-2004, bản Kè vẫn là bản bị cách biệt do điều kiện đi lại chưa được cải thiện, giao thương với bên ngoài còn gặp khó khăn, cuộc sống của người dân vẫn phụ thuộc vào thu hái các sản phẩm từ rừng như măng, mật ong, săn bắt và đánh cá. Chính vì vậy mà người dân bản Kè vẫn gắn bó với không gian sinh tồn của họ mặc dù quyền quản lý thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ. Giai đoạn này, thay cho sản xuất nương rẫy, người bản Kè khai thác các bãi biển trồng thêm ngô, trồng sắn để mưa sinh kết hợp hỗ trợ của nhà nước.

- Quản lý sử dụng đất và rừng của người Mã Liềng ở bản Cáo

Quá trình di chuyển để hình thành bản Cáo rất phức tạp (đã đề cập ở phần lịch sử hình thành) và diễn ra trong thời gian dài 1991-2004 mới định cư hoàn toàn.

Trong giai đoạn 1991-2004, người Mã Liềng bản Cáo di chuyển dân từng bộ phận về bản Cáo nên các hoạt động canh tác nương rẫy truyền thống và khai thác lâm sản của họ vẫn được duy trì. Người dân cho rằng cuộc sống của họ ngày xưa với nương rẫy đầy đủ và ổn định hơn. Có ý kiến so sánh là ngày xưa làm 1 năm có cái ăn cho 3 năm. Về chỗ ở mới khó khăn hơn khi điều kiện sản xuất rất hạn chế, đất sản xuất lúa chỉ có 0,3ha do 1 gia đình quản lý, đất ở hẹp và kéo dài dọc theo bờ khe Núng, còn lại là các vùng đất bãi biển do bà con tự khai thác luôn biến động do chế độ lũ tên sông, suối.

Thực tế khó khăn của bản Cáo trong quá

trình thực hiện định canh định cư ít nhiều đã ảnh hưởng đến tâm lý của người dân khi được vận động định canh định cư. Tuy nhiên cuối cùng năm 2004 với nỗ lực vận động của chính quyền, người dân Mã Liềng từ khu vực bản Cáo cũ đã ra hết bản Cáo ngày nay. Một số hộ dân được nhà nước hỗ trợ làm nhà và người dân bản Cáo được hỗ trợ lương thực và các nhu yếu phẩm cần thiết để sinh sống. Người dân cũng được vận động bỏ dần đốt nương làm rẫy. Năm 2004, nhà nước ban hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng và rừng được giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ quản lý, nương rẫy không còn, người dân chỉ trông chờ vào các vùng bãi biển để trồng ngô, lạc, sắn và bắt đầu mưu sinh bằng khai thác và bán các sản phẩm từ rừng như măng, mây, lá nón, mật ong... Cuộc sống của người dân vẫn nghèo đói trong nhiều năm sau đó. Bản Cáo là bản khó khăn nhất trong 3 bản vì vào giai đoạn này bản chưa được nhà nước giao đất giao rừng để quản lý, bảo vệ và phát triển sản xuất. Những biến động về quyền quản lý sử dụng đất đã kéo theo những thay đổi lớn trong đời sống văn hóa tinh thần của họ.

2.5. Quản lý sử dụng đất và rừng của người Mã Liềng từ sau năm 2004 đến nay

Từ năm 2004 đến nay, nhiều chính sách cho người đồng bào dân tộc, trong đó có chính sách về giao đất giao rừng của nhà nước được triển khai. Nhà nước khoanh định và giao đất, giao rừng cho các bản với quy mô khác nhau. Các hoạt động quản lý, sử dụng đất và rừng theo truyền thống của đồng bào đã không còn địa bàn để thực hiện. Tuy nhiên, không gian sinh tồn của đồng bào gắn với các sản phẩm ngoài gỗ từ rừng vẫn được duy trì và một số giá trị văn hóa gắn với các hoạt động này vẫn được người dân lưu giữ và thực hành.

1. Cộng đồng bản Kè được giao 465,02ha rừng và đất lâm nghiệp để quản lý, cá biệt 1 hộ gia đình Mã Liềng cũng được giao 30ha đất lâm nghiệp để phát triển rừng. Các diện tích đất lúa, đất màu trước đây vẫn được duy trì và phát triển có hiệu quả. Trên diện tích đất rừng cộng đồng

đã được khoanh vùng 3ha cho 11 hộ tham gia sản xuất trồng rừng keo và 8,3ha đất trồng vùng vực Con Kè được tổ chức VARS và CEGORN đầu tư phục hồi rừng bằng cây bản địa. Tuy nhiên, ngoài các nguồn thu từ các hoạt động trồng trọt, quản lý và phát triển rừng, người Mã Liềng bản Kè bắt đầu tham gia khai thác và bán các sản phẩm từ rừng để tạo thu nhập. Hiện nay thì có tới 52 hộ có thu nhập phụ thuộc vào rừng trên 50% chiếm 86,7% số hộ cả bản. Quản lý một khu vực 465,02ha rừng và đất lâm nghiệp, song vùng khai thác các sản phẩm ngoài gỗ vượt ra ngoài vùng quản lý của cộng đồng, hay nói là vẫn trên không gian sinh tồn truyền thống của họ và được pháp luật cho phép.

2. Cộng đồng bản Chuối vào năm 2004 được nhà nước giao đất giao rừng cho các hộ song do quản lý không tốt và bị thao túng bởi người ngoài dẫn đến việc buôn bán, tranh chấp và sau đó chính quyền phải thu lại giao cho cộng đồng quản lý. Tổng số đất rừng và rừng được giao là 78,75ha dọc theo đường Hồ Chí Minh. Việc quản lý sử dụng đất và rừng của cộng đồng được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Đất rừng cộng đồng được phân lô theo kích thước 30m x 200m để giao cho các hộ trồng keo. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện cũng đã gặp rủi ro khi các hộ cố gắng tranh thủ lấn thêm đất và tạo nên xung đột trong nội bộ dẫn đến sự can thiệp của chính quyền.

Bên cạnh việc phát triển rừng trên đất được giao, diện tích 1,3ha do chương trình định canh định cư đầu tư xây dựng được chuyển đổi sang trồng màu (0,8ha) và duy trì 0,5ha trồng lúa do thiếu chi phí cho vận hành máy bơm. Những hạn chế về quyền quản lý đất và trước nhu cầu

mới của thị trường sản phẩm ngoài gỗ từ rừng, người Mã Liềng ở bản Chuối một mặt vẫn duy trì các hoạt động khai thác măng, lá nón, mật ong trên các không gian sinh tồn của các bản Kè, bản Cáo thuộc các lưu vực khe Rái, khe Núng, đồng thời mở rộng địa bàn khai thác mây, song sang khu vực rừng Chà Lạng giáp xã Thanh Thạch. Các hoạt động khai thác sản phẩm ngoài gỗ trên các vùng rừng đến nay chưa xảy ra tranh chấp và xung đột giữa các nhóm dân cư.

3. Cộng đồng bản Cáo được hỗ trợ phục hồi đất trên khu định cư cũ với trên 5ha sản xuất hoa màu, diện tích bãi biển được các hộ khai thác sử dụng ước tính khoảng 8ha. Bên cạnh đó, năm 2013-2014, nhà nước đã giao 223,12ha đất rừng cho cộng đồng, đồng thời hỗ trợ phát triển được liệu dưới tán rừng với diện tích 3ha trồng cây ba kích. Trên khu vực đất rừng, cộng đồng bản Cáo đã dành một diện tích 5ha để trồng keo tạo thu nhập cho 23 hộ gia đình. Trong giai đoạn này ngoài sử dụng vùng đất màu, đất bãi biển, đất rừng cho trồng keo và phát triển cây dược liệu, các hộ bản Cáo vẫn duy trì tới 61% số hộ khai thác các sản phẩm ngoài gỗ từ rừng. Các hộ này có cơ cấu thu nhập từ sản phẩm rừng trên 50%. Các sản phẩm từ rừng chủ yếu là măng, song, mây, lá nón, mật ong,... được khai thác trên toàn bộ lưu vực khe Núng tạo nguồn thu đa dạng cho người dân. Tuy nhiên, do sự thiếu sự bảo lãnh về sản phẩm, sự tranh mua tranh bán từ người ngoài cộng đồng với tập quán chi tiêu thiếu tích lũy thì đến nay cuộc sống của người dân bản Cáo vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ nghèo vẫn rất cao ■

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo kết quả khảo sát: Đánh giá thực trạng và nguyện vọng của người dân trong khai thác, sử dụng các loại tài nguyên thuộc rừng cộng đồng Mã Liềng, xã Lâm Hóa - Trung tâm CIRD tháng 11/2019.
2. Báo cáo nghiên cứu thực trạng và tiềm năng trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, kinh tế rừng sau giao rừng, đất lâm nghiệp cho cộng đồng dân cư Mã Liềng tại bản Cáo, xã Lâm Hóa - CIRD tháng 10/2016.
3. Nguyễn Hữu Thông, Nguyễn Khắc Thái, Nguyễn Phước Bảo Đàn, Lê Anh Tuấn, Trần Đức Sáng, *Hoa trên núi đá*, 2007, Nxb Thông kê.
4. Ngô Văn Mạnh, *Người Chứt ở Việt Nam*, 1996, Nxb Thuận Hóa.
5. Tạ Long và Ngô Văn Hồng, *Tri thức và thiết chế truyền thống Mã Liềng*, 2015.